

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 21 THÁNG 10 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						268 297	95 917	157 354			
I		<u>CẢNG CHÍNH</u>						<u>51 021</u>	<u>995</u>	<u>50 026</u>			
		<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						1 000	995	5			
1		SX & TM UÔNG BÍ	15/10	05/10	22/10	BN 0719	CỤC XỎ 1C	1 000	995	5	21/10	TD	GIA HẠN L1
		<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						50 021		50 021			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	18/10	1334/10	31/10	HẢI NAM 88	CÁM 6A.1	23 000		23 000		HỘ LỎN	
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	17/10	1330/10	31/10	VIỆT THUẬN 235-07	CÁM 6A.14	23 050		23 050		HỘ LỎN	
3		SÔNG HỒNG	18/10	16/10	25/10	BN 1816	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
4		ĐTTM&DV	19/10	1300/10	26/10	BN 1826	CỤC XỎ 1C	1 050		1 050		TD	GIA HẠN L1
5		TNV HẢI DƯƠNG	20/10	04/10	27/10	BN 2212	CỤC XỎ 1C	1 921		1 921		TD	GIA HẠN L1
		<u>Tàu chuyển tải</u>						<u>99 600</u>	<u>71 806</u>	<u>27 794</u>			
		<i>Tàu đang làm hàng</i>						76 000	71 806	4 194			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	10/10	1322/10		GOLDEN STAR	CÁM 6A.10	23 500	23 223	277	21/10	HỘ LỎN	KDTC: 5.421,97 - CLM: 9898,13 - KVCP: 7.902,92
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	14/10	1327-B/10		VIỆT THUẬN 30-05	CÁM 6A.10	29 500	29 300	200	DỠ	HỘ LỎN	TTCO: 19.500 - CLM: 10.000
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	17/10	1332/10		QUANG VINH DIAMOND	CÁM 6A.1	23 000	19 283	3 717	DỠ	HỘ LỎN	TTHG: 19.000 - KVCP: 4.000
		<i>Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)</i>						23 600		23 600			
1		ĐIỆN DUYÊN HẢI	17/10	1331/10		VIỆT THUẬN 26-01	CÁM 5B.14	23 600		23 600		HỘ LỎN	TTHG: 9.600 - KDTC: 14.000
II		<u>KHO G9-HÓA CHẤT</u>						<u>29 948</u>	<u>7 714</u>	<u>22 234</u>			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						8 425	7 714	711			
1		CROMIT CĐ	17/10	573	24/10	BN - 2382	CÁM 8A	1 435	1 417	18	21/10	TD	ĐN - CS
2		CP ĐTTM&DV	17/10	590	24/10	HD - 2225	CÁM 8A	1 040	1 029	11	21/10	TD	ĐN - CS
3		CẦU ĐUÔNG	21/10	731	28/10	BN - 2566	CÁM 7C	1 690	1 685	5	21/10	TD	ĐN - CS
4		MIỀN BẮC	21/10	708	28/10	NB - 8295	CÁM 7B	2 600	2 595	5	21/10	TD	CAO SƠN
5		XD CN MỎ	17/10	591	24/10	BN - 1829	CÁM 8A	1 660	989	671	dỡ	TD	ĐN - CS
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>						21 523		21 523			
1		COALIMEX	19/10	685	27/10	GIA THÀNH 68	CÁM 8A	3 000		3 000		PT CB	ĐN - CS
2		CP VT&KD THAN	15/10	511	22/10	BN - 0695	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	ĐN - CS
3		MIỀN TRUNG	18/10	572B	24/10	TRẦN GIA 09	CÁM 7B	1 000		1 000		TD	ĐN - CS
4		MIỀN TRUNG	18/10	572B	24/10	TRẦN GIA 09	CỤC 1A	930		930		TD	ĐN - CS
5		CẦU ĐUÔNG	17/10	579	24/10	BN - 0567	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	ĐN - CS
6		CP DV VT QUẢNG NINH	18/10	594B	24/10	BN - 0979	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	ĐN - CS
7		XD CN MỎ	18/10	628	25/10	BN 1296	CỤC 1B	1 150		1 150		TD	ĐN - CS

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 21 THÁNG 10 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
8		CP ĐTTM&DV	18/10	631	25/10	BN 1468	CỤC 1B	1 150		1 150		TD	ĐN - CS
9		CP SX KD KS, DV TNV HẢI DƯƠNG	19/10	649	26/10	BN - 1798	CẨM 8A	1 348		1 348		TD	ĐN - CS
10		CP ĐTTM&DV	19/10	652	26/10	PHÚC THỊNH 18	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	THỐNG NHẤT
11		CP ĐTTM&DV	19/10	652	26/10	PHÚC THỊNH 18	CẨM 8A	940		940		TD	ĐN - CS
12		CP SX KD KS, DV TNV HẢI DƯƠNG	19/10	653	26/10	BN - 2115	CẨM 8A	1 500		1 500		TD	ĐN - CS
13		CP ĐTTM&DV	19/10	688	27/10	BN - 2519	CỤC 1A	1 100		1 100		TD	ĐN - CS
14		CP SXTM THAN UÔNG BÍ	21/10	705	28/10	BN - 1991	CẨM 7C	1 660		1 660		TD	ĐN - CS
15		CP DVVT QUẢNG NINH	21/10	725	28/10	HD - 2095	CẨM 8A	1 950		1 950		TD	CAO SƠN
16		NINH BÌNH	21/10	732	28/10	BN 2638	CẨM 8A	1 695		1 695		TD	CAO SƠN
III		<u>KHO BẢO NGUYỄN</u>						<u>2 276</u>	<u>2 265</u>	<u>11</u>			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						<i>2 276</i>	<i>2 265</i>	<i>11</i>			
1		ĐIỆN PHẢ LẠI	20/10	1335/10	31/10	TĐ 03-1	CẨM 5A.14	2 276	2 265	11	21/10		<i>tái chế</i>
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>											
IV		<u>KHO CẢNG KM6</u>						<u>15 026</u>	<u>9 837</u>	<u>5 190</u>			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						<i>10 626</i>	<i>9 837</i>	<i>790</i>			
1		KDT HẢI PHÒNG	21/10	706	28/10	HD 7989	Cẩm 5b.1	1 850	1 835	15	21/10	CBPT	
2		KDT HẢI PHÒNG	21/10	707	28/10	HD 6818	Cẩm 6a.1	1 850	1 846	4	21/10	CBPT	
3		CBT QUẢNG NINH	21/10	723	28/10	QN 7995	Cẩm 6a.1	2 728	1 976	752	DỖ	CBPT	
4		CTY THAN UÔNG BÍ	17/10	557	24/10	BN 2006	Cục 1b	1 048	1 042	6	21/10	TD	Nguồn DH- T/T: SỐ TBGT 174/10
5		THAN MIỀN NAM	20/10	660	27/10	TRƯỜNG XUÂN 68	Cục 4a.2	1 400	1 393	8	21/10		
6		THAN MIỀN NAM	20/10	660	27/10	TRƯỜNG XUÂN 68	Cẩm 5a.1	1 750	1 745	5	21/10		
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>						<i>4 400</i>		<i>4 400</i>			
1		XNK THAN VINACOMIN	21/10	724	28/10	HẢI SƠN 168	Cẩm 6a.1	3 200		3 200		CBPT	
2		DV VT QUẢNG NINH	21/10	720	28/10	BN 1856	Bùn 3c	1 200		1 200		TD	
V		<u>TÀU XUẤT KHẨU</u>						<u>55 400</u>	<u>3 300</u>	<u>52 100</u>			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						<i>22 400</i>	<i>3 300</i>	<i>19 100</i>			
1		INDONESIA	14/10	40-B/10/XK		MV CHANG NING 8	CỤC 5B.2	22 400	3 300	19 100	RÓT DỖ		
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>						<i>33 000</i>		<i>33 000</i>			
1		INDONESIA	10/10	42/10/XK		PU SHENG 6	CỤC 5B.2	30 000		30 000			THAY 41/10/XK
2		HÀN QUỐC	15/10	43/10/XK		JIN YANG GUAN	CỤC 4A.3	3 000		3 000			
VI		<u>TÀU NHẬP KHẨU</u>		<i>ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH</i>				<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>			

